TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ L** TỈNH BÌNH THUẬN	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 67/2023/DS-ST
Ngày: 27-10-2023
V/v: "Tranh chấp dân sự hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ L, TỈNH BÌNH THUẬN

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Vũ Toàn.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Thanh Hoàng

2. Bà Phan Thị Bích

Thư ký phiên toà: Bà Mai Thị Thanh – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân thị xã L, tỉnh Bình Thuận.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã L, tỉnh Bình Thuận tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Ngọc – Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 10 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân thị xã L xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 09/2023/TLST-DS, ngày 09 tháng 01 năm 2023, về việc "Tranh chấp dân sự hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 71/2023/QĐXXST-DS ngày 30 tháng 8 năm 2023, Quyết định hoãn phiên tòa số: 14/2023/QĐXXST-DS ngày 14 tháng 9 năm 2023, Thông báo mở lại phiên tòa số: 08/2023/TB-TA ngày 12 tháng 10 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị T – sinh năm 1962. Có mặt.

Địa chỉ: Tổ 4, thôn Hiệp Nhơn, xã Tân Thuận, huyện H. T. N, tỉnh Bình Thuận.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà Trần Thị D – sinh năm 1967. Có mặt.

Địa chỉ: Khu phố 7, phường Bình Tân, thị xã L, tỉnh Bình Thuận.

- Bị đơn: Bà Nguyễn Thị T - sinh năm 1972. Vắng mặt.

Địa chỉ: Tổ 5, thôn Hiệp Hòa, xã Tân Hải, thị xã L, tỉnh Bình Thuận.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Huỳnh Văn D – sinh năm 1969. Vắng mặt.

Địa chỉ: Tổ 5, thôn Hiệp Hòa, xã Tân Hải, thị xã L, tỉnh Bình Thuận.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện và lời khai tại Tòa án nhân dân thị xã L, bà Trần Thị D – đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:**

- Ngày 03/3/2022: Bà Nguyễn Thị T có vay của bà Nguyễn Thị T số tiền 365.000.000 đồng (Ba trăm sáu mươi lăm triệu đồng), bà T có viết trong giấy mượn tiền là: để tôi đổ cá trong thời gian 06 tháng tôi sẽ hoàn lại cho dì (tức là ngày 03/9/2022 sẽ trả). Có nghĩa là: Vợ chồng bà T ông D vay tiền của bà T về mua cá muối để làm nước mắm bán. Bà T có ký tên và ghi họ tên vào giấy mượn tiền.

- Ngày 16/3/2022 ÂL (nhằm ngày 16/4/2022 DL): Bà Nguyễn Thị T có vay của bà Nguyễn Thị T số tiền 50.000.000 đồng (Bà T đã vay tiền của bà T 50.000.000 đồng để cho bà T vay);

- Ngày 21/3/2022 ÂL (nhằm ngày 21/4/2022 DL): Bà Nguyễn Thị T có vay của bà Nguyễn Thị T số tiền 10.000.000 đồng (Bà T đã vay tiền của anh Đ 10.000.000 đồng để cho bà T vay);

- Ngày 13/5/2022 ÂL (nhằm ngày 11/6/2022 DL): Bà Nguyễn Thị T có vay của bà Nguyễn Thị T số tiền 30.000.000 đồng (Bà T đã vay tiền của anh Đ 30.000.000 đồng để cho bà T vay);

- Ngày 13/5/2022 ÂL (nhằm ngày 11/6/2022 DL): Bà Nguyễn Thị T có vay của bà Nguyễn Thị T số tiền 20.000.000 đồng (Bà T đã vay tiền của bà T 20.000.000 đồng để cho bà T vay);

- Ngày 27/5/2022 ÂL (nhằm ngày 25/6/2022 DL): Bà Nguyễn Thị T có vay của bà Nguyễn Thị T số tiền 50.000.000 đồng (Bà T đã vay tiền của bà T 50.000.000 đồng để cho bà T vay);

Tổng cộng 05 lần bà T đã vay tiền của bà T là: 160.000.000 đồng (Một trăm sáu mươi triệu đồng) và bà T có hẹn ngày trả nợ là ngày 18/9/2022 sẽ trả tiền cho bà T, bà T có ký tên và ghi họ tên vào giấy này, 05 lần vay này bà T viết giấy chung một tờ.

- Ngày 09/9/2022: Bà Nguyễn Thị T có vay của bà Nguyễn Thị T số tiền 110.000.000 đồng; Cùng ngày 09/9/2022, bà T vay thêm 70.000.000 đồng nữa, tổng cộng là 180.000.000 đồng, bà T có viết trong giấy mượn tiền là: để bỏ cá trong thời gian 02 tháng tôi sẽ hoàn lại cho bà T (tức là ngày 09/11/2022 sẽ trả). Có nghĩa là: Vợ chồng bà T ông D vay tiền của bà T về mua cá muối để làm nước mắm bán. Bà T có ký tên và ghi họ tên vào giấy mượn tiền.

Tổng cộng những lần vay tiền của bà T là 705.000.000 đồng. Rất nhiều lần bà T yêu cầu bà T trả tiền nhưng bà T không trả và còn hẹn lần này đến lần khác và hiện tại cố tình không trả.

Những lần bà T vay tiền của bà T là để dùng vào mục đích mua cá để kinh doanh làm nước mắm bán lại kiếm lời và cả vợ chồng bà T ông D cùng làm nên yêu cầu Tòa án giải quyết buộc vợ chồng bà Nguyễn Thị T và ông Huỳnh Văn D phải có trách nhiệm trả số tiền cho bà Nguyễn Thị T là 705.000.000 đồng gốc và yêu cầu Tòa án giải quyết tính lãi suất từ ngày 09/9/2022 đến ngày bà T làm đơn khởi kiện là ngày 10/12/2022 là 03 tháng, mức lãi suất là 1,2 %/tháng: 705.000.000 đồng x 1,2 % x 03 tháng = 25.380.000 đồng.

Tại phiên tòa, bà D xin rút yêu cầu về tính lãi suất.

*** Bị đơn: Bà Nguyễn Thị T**.

Quá trình giải quyết, Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng bà T không đến Tòa làm việc và cũng không có văn bản trình bày ý kiến gửi cho Tòa án.

Tại phiên tòa, bà T vắng mặt không lý do.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Huỳnh Văn D trình bày:**

Ông Huỳnh Văn D là chồng của bà Nguyễn Thị T, ông thừa nhận có nhận giấy của Tòa án về việc bà T có khởi kiện vợ chồng ông về số tiền 705.000.000 đồng. Ông D khai ông không biết gì về sự việc này. Vợ chồng ông có mâu thuẫn trong cuộc sống nên vợ ông bỏ đi khoảng trong tháng 11/2022. Khoản nợ này vợ ông không cho biết và số tiền đó không thấy đưa về nhà. Ông D thừa nhận vợ chồng ông có làm nước mắm bán, nhưng không làm đã lâu rồi.

Tại phiên tòa, ông D vắng mặt không lý do.

**** Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:***

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa Hội đồng xét xử, người tiến hành tố tụng và đương sự đã tuân thủ đúng và đầy đủ trình tự, thủ tục tố tụng.

Về nội dung: Sau khi xem xét các tài liệu có tại hồ sơ vụ án, được thẩm tra qua phần tranh tụng tại phiên tòa đã đủ căn cứ xác định yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ để chấp nhận. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Buộc bà Nguyễn Thị T và ông Huỳnh Văn D phải trả cho bà Nguyễn Thị T số tiền nợ gốc 705.000.000 đồng; Đình chỉ đối với yêu cầu về tính lãi suất của nguyên đơn.

Về án phí: Bà Nguyễn Thị T và ông Huỳnh Văn D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật, do nguyên đơn là người cao tuổi được miễn nộp tiền tiền tạm ứng án phí, nên không xử lý tiền tạm ứng án phí.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, lời phát biểu của Kiểm sát viên. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết tranh chấp:

Xét đơn khởi kiện của bà Nguyễn Thị T yêu cầu vợ chồng bà Nguyễn Thị T và ông Huỳnh Văn D trả nợ vay, đây là tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản, phía bị đơn có địa chỉ tại thôn Hiệp Hòa, xã Tân Hải, thị xã L, tỉnh Bình Thuận, nên tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã L theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về sự có mặt của đương sự tại phiên tòa: Tại phiên tòa, bị đơn bà Nguyễn Thị T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Huỳnh Văn D đã triệu tập hợp lệ

lần thứ hai nhưng bà T ông D vắng mặt không lý do. Vì vậy, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bà T ông D là phù hợp với quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Quá trình giải quyết, Tòa án đã triệu tập hai bên để hòa giải nhưng không thỏa thuận được. Phía nguyên đơn yêu cầu vợ chồng bị đơn bà Nguyễn Thị T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Huỳnh Văn D phải trả số tiền nợ gốc là: 705.000.000 đồng. Quá trình giải quyết, Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng bà T không đến Tòa làm việc và cũng không có văn bản trình bày ý kiến gửi cho Tòa án.

Căn cứ các giấy mượn tiền, cụ thể:

- Giấy mượn tiền ngày 03/3/2022 (bản chính) do phía nguyên đơn bà Nguyễn Thị T cung cấp thể hiện việc cho vay tiền để chứng minh cho yêu cầu của mình, cụ thể: Bà Nguyễn Thị T có nhờ dì mượn cho tôi số tiền 365.000.000 đồng để tôi đổ cá trong thời gian 06 tháng tôi sẽ hoàn lại cho dì. Tôi cam kết sẽ đóng lãi hàng tháng đầy đủ, đúng hạn và sẽ hoàn trả tiền gốc đúng thời gian quy định. Giấy mượn tiền có chữ ký và chữ viết của bà T.

- Giấy mượn tiền ngày 09/9/2022 (bản chính) do phía nguyên đơn bà Nguyễn Thị T cung cấp thể hiện việc cho vay tiền để chứng minh cho yêu cầu của mình, cụ thể: Tôi có nhờ dì T mượn dùm số tiền tổng là 110.000.000 đồng để bỏ cá sau lấy thêm 70.000.000 đồng nữa. Tổng cộng tất cả 180.000.000 đồng thời gian 02 tháng tôi hoàn lại. Tôi cam kết sẽ đóng lãi hàng tháng đầy đủ, đúng hạn và sẽ hoàn trả tiền gốc đúng thời gian quy định. Giấy mượn tiền có chữ ký và chữ viết của bà T.

Tờ giấy bà Nguyễn Thị T có nhờ dì T mượn tiền để bỏ cá:

- Ngày 16/3/2022 ÂL (nhằm ngày 16/4/2022 DL): Bà Nguyễn Thị T có vay của bà Nguyễn Thị T số tiền 50.000.000 đồng (Bà T đã vay tiền của bà T 50.000.000 đồng để cho bà T vay);

- Ngày 21/3/2022 ÂL (nhằm ngày 21/4/2022 DL): Bà Nguyễn Thị T có vay của bà Nguyễn Thị T số tiền 10.000.000 đồng (Bà T đã vay tiền của anh Đ 10.000.000 đồng để cho bà T vay);

- Ngày 13/5/2022 ÂL (nhằm ngày 11/6/2022 DL): Bà Nguyễn Thị T có vay của bà Nguyễn Thị T số tiền 30.000.000 đồng (Bà T đã vay tiền của anh Đ 30.000.000 đồng để cho bà T vay);

- Ngày 13/5/2022 ÂL (nhằm ngày 11/6/2022 DL): Bà Nguyễn Thị T có vay của bà Nguyễn Thị T số tiền 20.000.000 đồng (Bà T đã vay tiền của bà T 20.000.000 đồng để cho bà T vay);

- Ngày 27/5/2022 ÂL (nhằm ngày 25/6/2022 DL): Bà Nguyễn Thị T có vay của bà Nguyễn Thị T số tiền 50.000.000 đồng (Bà T đã vay tiền của bà T 50.000.000 đồng để cho bà T vay);

Tổng cộng 05 lần bà T đã vay tiền của bà Tứ là: 160.000.000 đồng (Một trăm sáu mươi triệu đồng) và bà T có hẹn ngày trả nợ là ngày 18/9/2022 sẽ trả tiền cho bà T, bà T có ký tên và ghi họ tên vào giấy này, 05 lần vay này bà T viết giấy chung một tờ.

Xét về thời hạn của hợp đồng cho vay tiền trên tính đến nay đã quá thời hạn trả nợ, nhưng bị đơn chưa trả tiền cho nguyên đơn. Vì vậy, từ những căn cứ trên phía bị

đơn đã vi phạm nghĩa vụ được các bên thỏa thuận trong hợp đồng.

Bà T vay tiền của bà T chỉ có một mình bà giao dịch, mục đích bà vay tiền để mua cá về sản xuất nước mắm bán. Quá trình giải quyết, lời khai của ông Huỳnh Văn D là chồng của bà Nguyễn Thị T, ông thừa nhận vợ chồng ông có làm nước mắm bán, nhưng không làm đã lâu rồi, ông có nhận giấy của Tòa án về việc bà Tứ có khởi kiện vợ chồng ông về số tiền 705.000.000 đồng. Ông D khai ông không biết gì về sự việc này. Vợ chồng ông có mâu thuẫn trong cuộc sống nên vợ ông bỏ đi khoảng trong tháng 11/2022. Khoản nợ này vợ ông không cho biết và số tiền đó không thấy đưa về nhà. Theo Công văn ngày 10/10/2023 của Công an xã T. H thì vợ chồng ông D và bà T có đăng ký thường trú tại thôn Hiệp Hòa, xã Tân Hải, thị xã L, tỉnh Bình Thuận và hiện đang sinh sống tại địa phương. Như vậy, căn cứ theo Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 thì bà T và ông D chịu trách nhiệm liên đới đối với giao dịch do một bên thực hiện nhằm đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình. Từ những căn cứ trên, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn có căn cứ để chấp nhận, buộc bị đơn bà Nguyễn Thị T và ông Huỳnh Văn D phải trả cho bà Nguyễn Thị T số tiền 705.000.000 đồng là phù hợp theo quy định tại Điều 463, 466 của Bộ luật dân sự.

Tại phiên tòa, nguyên đơn và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn xin rút yêu cầu về tính lãi suất, nên Hội đồng xét xử đình chỉ đối với yêu cầu của nguyên đơn về tính lãi suất.

[4] Về án phí:

Bà Nguyễn Thị T và ông Huỳnh Văn D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Do nguyên đơn là người cao tuổi được miễn nộp tiền tiền tạm ứng án phí, nên không xử lý tiền tạm ứng án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1, 2 Điều 21, khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 262, Điều 273 và Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Điều 357, Điều 463 và 466, điểm b khoản 1 Điều 688 Bộ Luật dân sự 2015;

- Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Buộc bà Nguyễn Thị T và ông Huỳnh Văn D phải trả cho bà Nguyễn Thị T số tiền 705.000.000 đồng (Bảy trăm lẻ năm triệu đồng).

Đình chỉ đối với yêu cầu của bà Nguyễn Thị T về tính lãi suất.

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015.

2. Về án phí: Bà Nguyễn Thị T và ông Huỳnh Văn D phải chịu 32.200.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Nguyễn Thị T là người cao tuổi được miễn nộp tiền tạm ứng án phí nên không xử lý tiền tạm ứng án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 27/10/2023). Riêng bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp Bản án thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự đã sửa đổi, bổ sung, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Thuận;
- VKSND thị xã L;
- Chi cục THADS thị xã L;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Huỳnh Thị Vũ Toàn

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Thuận;
- VKSND.tx.La Gi;
- Chi cục THADS.tx.La Gi;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ – án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Huỳnh Thị Vũ Toàn